

Số: 36 /BC-BKTXH

Tu Mơ Rông, ngày 09 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO THẨM TRA

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, trên cơ sở Báo cáo số: 814/BC-UBND, ngày 24/11/2022 của UBND huyện Tu Mơ Rông về kết tình hình thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông. Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện đã tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra và báo cáo với HĐND huyện một số nội dung như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện năm 2022

1. Về nguồn vốn để thực hiện:

Tổng số vốn thực hiện chương trình trong năm 2022: 76.374 triệu đồng (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 9.965 triệu đồng).

- Vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022): 74.334 triệu đồng (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 7.925 triệu đồng).

- Vốn phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang (theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022): 2.040 triệu đồng (Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng).

1. 1. Đối với nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2022

Tính đến thời điểm 10/11/2022 đã giải ngân được 15.427/74.334 triệu đồng, đạt tỷ lệ **20,75%** (Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 44/7.925 triệu đồng, đạt 0,56%). Ước tính giải ngân đến 31/12/2022 được 69.832 triệu đồng, đạt 93,94% (Vốn đầu tư phát triển 66.409/66.409 triệu đồng, đạt 100%; Vốn sự nghiệp 3.423/7.925 triệu đồng, đạt 43,20%) cụ thể:

a. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: Ngân sách Trung ương: 68.343 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 1.934 triệu đồng).

- Tiến độ giải ngân: 15.538/68.343 triệu đồng, đạt 23,51% (*Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 0/1.934, đạt 0%*).

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 68.343/68.343 triệu đồng, đạt 100% (*Vốn đầu tư phát triển 66.409/66.409 triệu đồng, đạt 100%; Vốn sự nghiệp 1.934/1.934 triệu đồng, đạt 100%*).

b. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Ngân sách Trung ương: 2.315 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

c. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp): Ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

d. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

** Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:* Ngân sách Trung ương: 1.697 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp (*Chi hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp*): 956 triệu đồng. Không giải ngân được vì căn cứ theo điểm a, khoản 1, Điều 16 Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ Tài chính về việc Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thì Trung Tâm GDNN-GDTX huyện chuyển trụ sở làm việc qua Trụ sở mới theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum nên không có danh mục bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.

- Đối với nguồn kinh phí đào tạo nghề: 741 triệu đồng.

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Trung tâm GDNN-GDTX đang triển khai mở 09 lớp với 315 học viên, dự kiến kinh phí giải ngân 691/741 triệu đồng, đạt 93,25%.

** Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:* Ngân sách Trung ương: 259 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 59/259 triệu đồng, đạt 22,77 % vì do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trên địa bàn huyện không có lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động do đó không thực hiện được các chính sách hỗ trợ dẫn đến không thể giải ngân hết nguồn kinh phí được giao.

** Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:* Ngân sách Trung ương: 185 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 185/185 triệu đồng, đạt 100%.

e. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

** Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:* Ngân sách Trung ương: 38 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 38/38 triệu đồng, đạt 100%.

* **Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:** Ngân sách Trung ương: 44 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Đã giải ngân 44/44 triệu, đạt 100%.

g. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

- **Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:** Ngân sách Trung ương: 308 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

+ Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 308/308 triệu đồng, đạt 100%.

- **Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá:** Ngân sách Trung ương: 164 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 164/164 triệu đồng, đạt 100%.

1.2. Đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang: 2.040 triệu đồng (Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 2.040/2.040 triệu đồng, đạt 100%.

2. Kết quả giảm nghèo

2.1. Cuối năm 2021: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ

- Hộ nghèo: 3.546/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 3.545/3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ cận nghèo: 550/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 550/550 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

2.2. Kết quả rà soát cuối năm 2022:

a. Kết quả rà soát

- Hộ nghèo: 2.859/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 2.858/2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ thoát nghèo: 742 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 11,05% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 41,06% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 2.859/6.963 hộ*).

- Hộ cận nghèo: 432/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 432/432 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

- Hộ thoát cận nghèo: 228 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 1,88% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 6,20% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 432/6.963 hộ*).

b. So sánh kết quả giảm nghèo với Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện.

- Kết quả giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (*Tỷ lệ Hộ nghèo + Hộ cận nghèo*): Đạt 12,93%/10,23%. Trong đó: tỷ lệ hộ nghèo 11,05%/8,74%, Tỷ lệ hộ cận nghèo 1,88%/1,50% (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo 8,74%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,50%*). Vượt kế hoạch 2,70%.

- Kết quả giảm hộ nghèo: 742/556 hộ, đạt tỷ lệ 133,45%, tỷ lệ hộ nghèo giảm 11,05% (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 556 hộ, tỷ lệ giảm 8,74%*). Vượt kế hoạch 2,31%.

- Kết quả giảm hộ cận nghèo: 228/96 hộ, đạt tỷ lệ 237,5% vượt kế hoạch (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%*). Tuy nhiên số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo và hộ cận nghèo phát sinh mới là 110 hộ nên số hộ cận nghèo tại thời điểm 432 hộ, do đó trong năm 2022 giảm 118/96 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,88 (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%*). Vượt kế hoạch 0,38%.

Nhìn chung, trong năm 2022, UBND huyện đã chú trọng việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2022 và đạt một số kết quả quan trọng. Ban Kinh tế - Xã hội cơ bản thống nhất với đánh giá của về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2022. Trong điều kiện việc ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai và phân bổ vốn cho các dự án của Chương trình chậm trễ, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động phối hợp với các địa phương triển khai các dự án. Các cơ quan được giao chủ trì, trực tiếp quản lý các dự án đã ban hành hướng dẫn tổ chức thực hiện các tiểu dự án được phân công; Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động ban hành quyết định, kế hoạch, chương trình, thực hiện huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các dự án. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân đã được UBND huyện chỉ ra, Ban Kinh tế - Xã hội nhận thấy vẫn còn nổi lên một số hạn chế, cụ thể:

Đa số các dự án đang trong thời gian xây dựng kế hoạch để triển khai, chưa có kết quả triển khai cụ thể, trong đó có một số nội dung giải ngân chậm, chưa giải ngân theo tiến độ của Chương trình, dự án đề ra (*cụ thể tại Báo cáo số: 814/BC-UBND, ngày 24/11/2022 của UBND huyện Tư Mơ Rông*)

Ban Kinh tế - xã hội cơ bản thống nhất với kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2023 và các giải pháp triển khai thực hiện. Ban đề nghị UBND huyện cần tập trung chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Xây dựng Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong Báo cáo UBND huyện đã xây dựng trình HĐND huyện.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững hàng năm sát với dự toán ngân sách và khả năng huy động nguồn lực của từng cơ quan, đơn vị trong thực hiện từng dự án của Chương trình.

- Đề nghị UBND huyện có giải pháp cụ thể để phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình, nhất là tham gia chặt chẽ vào các dự án thành phần của Chương trình. Đồng thời, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng đúng quy định pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được bố trí nguồn lực; chỉ đạo chặt chẽ trong công tác phối hợp, nắm bắt, theo dõi và kiểm tra kết quả triển khai Chương trình. Chú trọng giải pháp lồng ghép các dự án khi có cùng nội dung, nhiệm vụ để tránh chồng chéo, trùng lắp.

- Có giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; về cải thiện dinh dưỡng; về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hằng năm tình hình thực hiện Chương trình tại các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện, kính trình kỳ họp thứ 4 HĐND huyện khóa XIV xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện (b/c);
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT, TH; Ban KT-XH;

**TM. BAN KINH TẾ-XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Đoàn Minh Tiến